

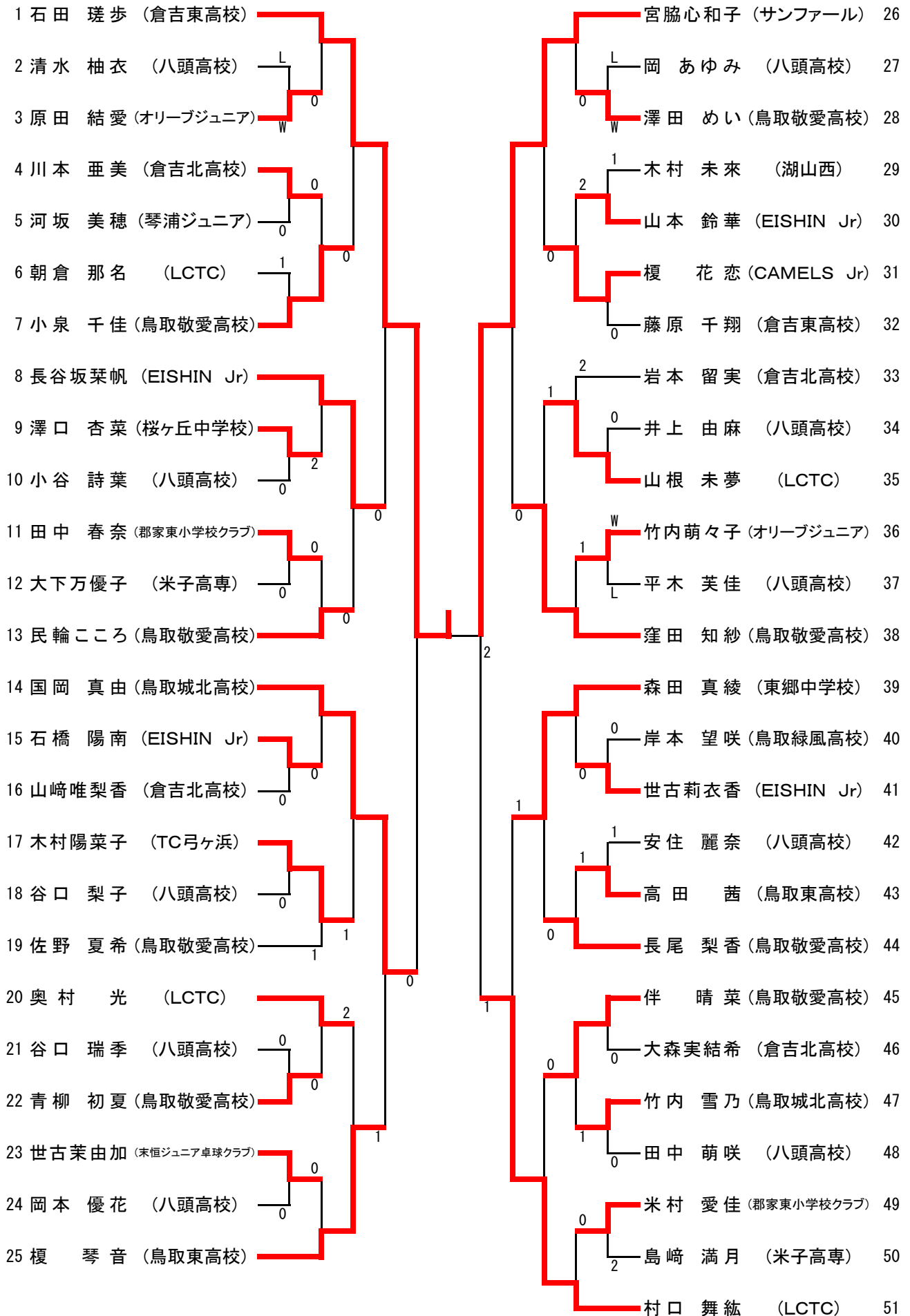
平成29年度 全日本卓球選手権大会（ジュニアの部）  
鳥取県予選会

（記録）

平成29年10月9日（月・祝）  
米子産業体育館



# 女子シングルス（代表数3）



## 男子シングルス

決勝									
No. 1 柳原 武司 (米子高専)	3 { <table border="0"> <tr><td>15 - 17</td></tr> <tr><td>11 - 5</td></tr> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>10 - 12</td></tr> <tr><td>11 - 4</td></tr> </table> } 2 <table border="0"> <tr><td>No. 74</td></tr> <tr><td>鎌田 和希</td></tr> <tr><td>(MTC鳥取)</td></tr> </table>	15 - 17	11 - 5	11 - 7	10 - 12	11 - 4	No. 74	鎌田 和希	(MTC鳥取)
15 - 17									
11 - 5									
11 - 7									
10 - 12									
11 - 4									
No. 74									
鎌田 和希									
(MTC鳥取)									

3位決定戦									
No. 37 垣内 啓佑 (鳥取敬愛高校)	3 { <table border="0"> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>11 - 5</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 0 <table border="0"> <tr><td>No. 99</td></tr> <tr><td>北中 春丞</td></tr> <tr><td>(東伯中学校)</td></tr> </table>	11 - 8	11 - 5	11 - 6	-	-	No. 99	北中 春丞	(東伯中学校)
11 - 8									
11 - 5									
11 - 6									
-									
-									
No. 99									
北中 春丞									
(東伯中学校)									

準決勝									
No. 1 柳原 武司 (米子高専)	3 { <table border="0"> <tr><td>11 - 7</td></tr> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>11 - 9</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 1 <table border="0"> <tr><td>No. 37</td></tr> <tr><td>垣内 啓佑</td></tr> <tr><td>(鳥取敬愛高校)</td></tr> </table>	11 - 7	8 - 11	11 - 6	11 - 9	-	No. 37	垣内 啓佑	(鳥取敬愛高校)
11 - 7									
8 - 11									
11 - 6									
11 - 9									
-									
No. 37									
垣内 啓佑									
(鳥取敬愛高校)									

準決勝									
No. 74 鎌田 和希 (MTC鳥取)	3 { <table border="0"> <tr><td>11 - 5</td></tr> <tr><td>16 - 14</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 0 <table border="0"> <tr><td>No. 99</td></tr> <tr><td>北中 春丞</td></tr> <tr><td>(東伯中学校)</td></tr> </table>	11 - 5	16 - 14	11 - 6	-	-	No. 99	北中 春丞	(東伯中学校)
11 - 5									
16 - 14									
11 - 6									
-									
-									
No. 99									
北中 春丞									
(東伯中学校)									

代表

1位	柳原 武司	(米子高専)
2位	鎌田 和希	(MTC鳥取)
3位	垣内 啓佑	(鳥取敬愛高校)

## 女子シングルス

決勝									
No. 1 石田 瑛歩 (倉吉東高校)	3 { <table border="0"> <tr><td>12 - 10</td></tr> <tr><td>11 - 13</td></tr> <tr><td>12 - 10</td></tr> <tr><td>4 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 5</td></tr> </table> } 2 <table border="0"> <tr><td>No. 26</td></tr> <tr><td>宮脇心和子</td></tr> <tr><td>(サンファール)</td></tr> </table>	12 - 10	11 - 13	12 - 10	4 - 11	11 - 5	No. 26	宮脇心和子	(サンファール)
12 - 10									
11 - 13									
12 - 10									
4 - 11									
11 - 5									
No. 26									
宮脇心和子									
(サンファール)									

3位決定戦									
No. 17 国岡 真由 (鳥取城北高校)	1 { <table border="0"> <tr><td>8 - 11</td></tr> <tr><td>9 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>6 - 11</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 3 <table border="0"> <tr><td>No. 51</td></tr> <tr><td>村口 舞紘</td></tr> <tr><td>(LCTC)</td></tr> </table>	8 - 11	9 - 11	11 - 6	6 - 11	-	No. 51	村口 舞紘	(LCTC)
8 - 11									
9 - 11									
11 - 6									
6 - 11									
-									
No. 51									
村口 舞紘									
(LCTC)									

準決勝									
No. 1 石田 瑛歩 (倉吉東高校)	3 { <table border="0"> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>11 - 5</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>-</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 0 <table border="0"> <tr><td>No. 17</td></tr> <tr><td>国岡 真由</td></tr> <tr><td>(鳥取城北高校)</td></tr> </table>	11 - 8	11 - 5	11 - 6	-	-	No. 17	国岡 真由	(鳥取城北高校)
11 - 8									
11 - 5									
11 - 6									
-									
-									
No. 17									
国岡 真由									
(鳥取城北高校)									

準決勝									
No. 26 宮脇心和子 (サンファール)	3 { <table border="0"> <tr><td>11 - 3</td></tr> <tr><td>9 - 11</td></tr> <tr><td>11 - 6</td></tr> <tr><td>11 - 8</td></tr> <tr><td>-</td></tr> </table> } 1 <table border="0"> <tr><td>No. 51</td></tr> <tr><td>村口 舞紘</td></tr> <tr><td>(LCTC)</td></tr> </table>	11 - 3	9 - 11	11 - 6	11 - 8	-	No. 51	村口 舞紘	(LCTC)
11 - 3									
9 - 11									
11 - 6									
11 - 8									
-									
No. 51									
村口 舞紘									
(LCTC)									

代表

1位	石田 瑛歩	(倉吉東高校)
2位	宮脇心和子	(サンファール)
3位	村口 舞紘	(LCTC)